

Về mối quan hệ truyền thống Việt Nam - Ấn Độ

HOÀNG THỊ ĐIỆP*

Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ vốn có truyền thống lịch sử lâu đời và qua thử thách của thời gian ngày càng phát triển tốt đẹp, có thể coi là mối quan hệ hữu nghị điển hình trong quan hệ quốc tế ngày nay. Trong bài viết này, chúng tôi muốn được làm rõ mối quan hệ truyền thống Việt Nam - Ấn Độ và nêu lên một vài nhận xét.

I. MỐI QUAN HỆ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM - ẤN ĐỘ

Theo các nhà nghiên cứu, mặc dầu ít ỏi nhưng những hiện vật có nguồn gốc Ấn Độ phát hiện được trong một số di chỉ thuộc văn hoá Sa Huỳnh và Đông Sơn Việt Nam như đồ trang sức bằng thuỷ tinh, hạt chuỗi vẽ màu... đã chứng tỏ mối liên hệ từ rất sớm giữa Việt Nam và Ấn Độ. Vào những thế kỷ đầu Công nguyên, mối quan hệ này càng trở nên mật thiết. Sớm nhất là những di vật, di tích ở đồng bằng sông Cửu Long - vùng đất thuộc địa bàn vương quốc Phù Nam cổ xưa. Tại di chỉ Óc Eo (An Giang)

niên đại vào khoảng thế kỷ thứ II SCN, các nhà nghiên cứu đã phát hiện được nhiều hiện vật có nguồn gốc Ấn Độ.

Những hiện vật trên, kết hợp với truyền thuyết dân gian, cho chúng ta nhận thức rằng, vào những thế kỷ đầu Công nguyên đã có nhiều người Ấn Độ sang buôn bán và định cư lâu dài ở đồng bằng sông Cửu Long. Những lớp dân cư này cùng văn hoá họ mang theo đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá của cư dân bản địa. Truyền thuyết cũng cho biết, có những người Ấn Độ đã từng làm vua ở vương quốc Phù Nam thông qua những cuộc hôn nhân với những phụ nữ quý tộc bản xứ.

- Tại miền Trung Việt Nam, ở làng Võ Cảnh (Nha Trang), địa bàn của vương quốc Chăm-pa xưa, người ta đã tìm thấy một bi ký bằng chữ Sanscrit Ấn Độ có niên đại khoảng thế kỷ thứ III-IV. Cùng với tấm bia trên, một pho tượng Phật bằng đồng ở Quảng Nam cũng đã được phát hiện, niên đại được xác định vào khoảng thế kỷ thứ V. Cả hai hiện vật

* ThS. Hoàng Thị Diệp, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên.

trên đều có niên đại vào loại sớm nhất Đông Nam Á.

Những hiện vật còn cho chúng ta thấy, văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng một cách sâu sắc đối với vương quốc Chămpa. Đó là, khi mới lập nước, quý tộc Chăm đã tiếp thu và sử dụng ngay hệ thống thần quyền của người Ấn Độ để xây dựng hệ thống thần quyền cho vương triều mình. Người Chăm xưa sùng bái các thần Ấn Độ giáo và tiếp thu đạo Phật thuộc phái Đại thừa. Chử Phạn được sử dụng rất sớm ở Chămpa. Người Chămpa cũng sử dụng lịch của Ấn Độ vào sản xuất và đời sống...

- Trên địa bàn miền Bắc. So với miền Nam và miền Trung thì ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đối với vùng này có phần nhạt hơn. Điều này có thể lý giải là, vào những thế kỷ đầu Công nguyên, khi mà văn hoá Ấn Độ bắt đầu tràn mạnh đến vùng Đông Nam Á thì miền Bắc Việt Nam đã trở thành một quận của đế chế Trung Hoa và đang bị cưỡng chế vào quỹ đạo của nền văn hoá Hán.

Mặc dù vậy, vào những thế kỷ đầu Công nguyên, văn hoá Ấn Độ, đặc biệt là Phật giáo đã ảnh hưởng ở một mức độ nhất định đối với miền Bắc Việt Nam. Ngay từ thế kỷ thứ II sau Công nguyên, ở miền Bắc đã hình thành một Trung tâm Phật giáo nổi tiếng- Trung tâm Luy Lâu (Bắc Ninh). Tại đây, các nhà sư Ấn Độ đã dạy kinh Phật hoặc dừng lại đây để tiếp tục đi sang các trung tâm Phật giáo ở Trung Quốc. Dưới ảnh hưởng của Phật giáo đã hình thành một đội ngũ nhà sư bản địa thông hiểu kinh Phật, giỏi chữ Phạn. Có những nhà sư sang

Ấn Độ để tu luyện. Cho đến thế kỷ X, Phật giáo đã bén rễ sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và trở thành một bộ phận cấu thành của nền văn hoá Việt Nam, góp phần tạo nên một lực lượng đối trọng với nền văn hoá Trung Hoa. Dưới thời Lý- Trần, Phật giáo rất phát triển, trở thành quốc giáo, đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống chính trị, văn hoá của dân tộc, và có thể coi là một trong những cơ sở cho sự phát triển rực rỡ của nền văn hoá Đại Việt. Từ thời hậu Lê(thế kỷ XV) trở đi, do Nho giáo ngày càng phát triển nên vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo phai nhạt dần trong đời sống xã hội Việt Nam.

Như vậy, tuy ở những mức độ khác nhau, nhưng, ngay ở những thế kỷ đầu Công nguyên, trên cả ba miền Trung, Nam, Bắc Việt Nam đã diễn ra sự giao lưu và tiếp xúc với nền văn hoá Ấn Độ. Do được xâm nhập một cách hoà bình và có nhiều điểm tương đồng với phong tục, tập quán, tín ngưỡng của cư dân Việt, văn hoá Ấn Độ đã bén rễ ở vùng đất mới này, hoà quyện vào văn hoá Việt, trở thành một bộ phận khó tách rời và góp phần làm phong phú nền văn hoá Việt Nam. Mối liên hệ lâu đời và bền chặt này này là cơ sở vững chắc cho quan hệ hai nước sau này⁽¹⁾.

Đến thời kỳ Cận đại, Việt Nam và Ấn Độ đều rơi vào ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Hoàn cảnh cùng đau thương đó càng làm cho hai dân tộc dễ dàng thông cảm, chia sẻ và đoàn kết, ủng hộ nhau trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng, bảo vệ đất nước sau này.

Đến thời kỳ Hiện đại, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ bước sang một thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Trong 30 năm tiến hành cuộc đấu tranh vì tự do, độc lập của nhân dân Việt Nam (1945-1975), có những lúc quan hệ hai nước gặp khó khăn do sự chi phối của tình hình quốc tế phức tạp (chỉ trong vòng mấy năm đầu của thập niên 60 - thế kỷ XX, khi diễn ra cuộc chiến tranh Trung-Ấn), nhưng xu hướng chung là quan hệ hai nước ngày càng tốt đẹp. Trong thời kỳ kháng chiến trường kỳ, gian khổ đó, Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ, động viên, giúp đỡ của Chính phủ, nhiều chính đảng và nhân dân Ấn Độ. Biết bao lần trên diễn đàn trong nước và quốc tế, nhiều nhà lãnh đạo Ấn Độ lên tiếng phản đối và đòi chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa của Pháp, Mỹ, đòi độc lập cho Việt Nam. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của các tầng lớp nhân dân Ấn Độ ủng hộ mạnh mẽ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam; đòi Pháp, Mỹ rút khỏi Việt Nam; tố cáo tội ác của Mỹ đối với nhân dân miền Nam; đòi Mỹ chấm dứt ném bom đối với miền Bắc; quyên góp tiền, thuốc men giúp nhân dân Việt Nam... và, trong phong trào đấu tranh vì Việt Nam đó, có những người đã anh dũng hy sinh, dùng máu của mình tô thắm thêm tình hữu nghị giữa hai dân tộc⁽²⁾. Đỉnh cao của mối quan hệ hai nước trong thời kỳ này, có thể nói, là sự thiết lập quan hệ đầy đủ giữa hai nước vào tháng 1-1972, chấm dứt việc Ấn Độ giữ quan hệ "cân bằng" giữa hai miền Nam- Bắc, nghiêng hẳn về phía Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà, bất chấp sự

phản ứng và chỉ trích của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn, mở ra một giai đoạn mới phát triển tốt đẹp của quan hệ hai nước.

Từ năm 1975 trở đi, do những thuận lợi của tình hình mỗi nước cũng như tình hình khu vực và quốc tế, đặc biệt là sự ra đời của một nước Việt Nam hoà bình và thống nhất, quan hệ Việt Nam-Ấn Độ phát triển một cách tốt đẹp và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật.

Quan hệ chính trị Việt Nam- Ấn Độ rất tốt đẹp, chiếm vị trí nổi bật trong quan hệ hai nước và tạo tiền đề cho các quan hệ khác phát triển.

Ấn Độ ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam ngày càng tích cực. Ấn Độ đã tố cáo mạnh mẽ cuộc xâm lược của thế lực Pôn pốt-Êngxari đối với Việt Nam trong những năm 1975-1978; ủng hộ quan điểm của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Campuchia (1979-1991); công nhận Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận thuộc lãnh thổ Việt Nam; ủng hộ việc Việt Nam tham gia Liên hợp quốc, ASEAN... Vì ủng hộ Việt Nam, nhiều lúc Chính phủ Ấn Độ phải chịu sự công kích từ những thế lực chống Việt Nam từ trong nước và quốc tế.

Chính phủ và nhân dân Việt Nam ủng hộ một nước Ấn Độ thống nhất và công nhận Casomia là một bộ phận của đất nước Ấn Độ; ủng hộ Ấn Độ trở thành uỷ viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc khi tổ chức này mở rộng; ủng hộ Ấn Độ là thành viên đối thoại của ASEAN và phát triển quan hệ của Ấn Độ với tổ chức này...

Một trong những biểu hiện đặc sắc của mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ là lãnh đạo cấp cao hai nước thường xuyên thăm viếng lẫn nhau, nhất là từ năm 1975 trở lại đây. Đó là: về phía các nhà lãnh đạo Việt Nam thăm Ấn Độ có chuyến thăm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng năm 1978 và 1980, của Tổng Bí thư Lê Duẩn năm 1984, của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh năm 1989, của Tổng Bí thư Đỗ Mười vào năm 1992, của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng 3-1997, của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tháng 12-1999, của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh vào cuối tháng 4-đầu tháng 5- 2003; về phía các nhà Lãnh đạo Ấn Độ thăm Việt Nam có: chuyến thăm của Thủ tướng Ragíp Gandi năm 1985 và 1988, của Tổng thống R. Venkataraman năm 1991, của Phó Tổng thống K.R. Naraiannan năm 1993, của Thủ tướng N. Rao vào năm 1994, của Thủ tướng A.B. Vagisopai tháng 1-2001... Những chuyến thăm này thể hiện sự coi trọng mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong chính sách đối ngoại của mỗi nước, đưa đến sự thông cảm, hiểu biết lẫn nhau, làm cho hai nước ngày càng xích lại gần nhau, tạo khung pháp lý cho quan hệ không ngừng được củng cố và phát triển. Qua những cuộc hội đàm, hai nước đã thể hiện sự nhất trí cao trong việc đánh giá cũng như đề ra giải pháp cho những vấn đề quan trọng của khu vực và quốc tế. Đó là cả hai nước đều mong muốn và nỗ lực để có một Đông Nam Á: hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ trương giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng phương pháp

hoà bình...Trong chuyến thăm chính thức Ấn Độ vào cuối tháng 4 đến đầu tháng 5-2003 của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, hai bên nhất trí duy trì thường xuyên các cuộc gặp cấp cao của Lãnh đạo hai nước, coi đó là yếu tố quan trọng để không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Đảng và Chính phủ Việt Nam không những có quan hệ rất tốt đẹp với Chính phủ Ấn Độ mà còn có quan hệ tốt với những đảng hàng đầu ở nước này như đảng Quốc đại, đảng Quốc đại (I), đảng Cộng sản, đảng Cộng sản (M)...Các tổ chức xã hội: Công đoàn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội hữu nghị hai nước... cũng có quan hệ tốt đẹp. Các đảng phái và tổ chức trên đã ủng hộ mạnh mẽ chủ trương của Chính phủ trong việc mở rộng, phát triển quan hệ hai nước⁽³⁾.

Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam - Ấn Độ được bắt đầu từ năm 1956, khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Lãnh sự với việc ký hiệp định thương mại ngày 22-8-1956. Theo đó, các hợp đồng mua bán cũng được triển khai và đã đạt được một số kết quả cụ thể. Quan hệ kinh tế giữa hai nước thực sự được đẩy mạnh từ năm sau 1975, khi Việt Nam độc lập và thống nhất, bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước.

Trong mấy năm gần đây, quan hệ thương mại hai nước đã có sự phát triển đáng kể. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước tăng từ 50,90 triệu USD năm 1992 lên 140,56 triệu USD năm 1996, 231,50 triệu USD năm 2001 và đạt 375 triệu USD năm 2002,

cao nhất từ trước cho đến đó. Trong chuyến thăm Việt Nam vào năm 2001, Lãnh đạo hai nước nhất trí phấn đấu tăng kim ngạch thương mại lên 500 triệu USD trong 3 năm tới và lên 1 tỷ USD sau 10 năm⁽⁴⁾.

Ấn Độ là một trong những nước đầu tư sớm vào Việt Nam và điều đáng quý là trong những năm 80, trong khi Việt Nam đang bị Mỹ và các thế lực thân Mỹ cấm vận kinh tế gay gắt, trong khi nền kinh tế - xã hội đang trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng thì Ấn Độ là một trong những nước đầu tiên ký hiệp định về thăm dò và khai thác dầu mỏ trên thềm lục địa Việt Nam. Tiếp theo đó, đầu tư của Ấn Độ mở rộng sang các lĩnh vực khác như: giống cây trồng, chế biến nông và lâm sản, chế tạo thiết bị tải điện, sản xuất tân dược.

Thời gian gần đây, mặc dù do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế và một số biến động về chính trị, kinh tế bất lợi ở khu vực, số vốn đầu tư của các nước ASEAN giảm thì đầu tư của Ấn Độ tại Việt Nam vẫn tăng nhanh. Tính đến cuối tháng 12-2002, Ấn Độ có 14 dự án được cấp giấy phép đầu tư ở Việt Nam (bao gồm các dự án của kiều dân Ấn Độ ở Xingapo) với tổng số vốn đăng ký khoảng 350 triệu USD, trong đó có dự án khai thác khí đốt ở nam Côn Sơn là lớn nhất- khoảng 198 triệu USD, cho đến cuối năm 2002...⁽⁵⁾.

Trong quan hệ kinh tế với Việt Nam, ngoài cấp nhà nước, nhiều tổ chức tư nhân cũng tích cực hợp tác với Việt Nam, như Hiệp hội các hợp tác xã Ấn Độ, Hội công nghiệp cơ khí Ấn Độ, tập

đoàn tư bản tư nhân Bila với đại diện là công ty CiMMCO...

Như vậy, quan hệ kinh tế hai nước trong những năm gần đây phát triển khá nhanh. Kết quả là nó không những góp phần giúp Việt Nam ra thoát khỏi khó khăn mà còn góp phần thúc đẩy mạnh sự phát triển một số ngành kinh tế của đất nước như: thăm dò và khai thác dầu mỏ, hiện đại hoá ngành dệt, đường sắt, nông nghiệp (ngành trồng lúa, chăn nuôi)... Mặc dù vậy, quan hệ kinh tế hai nước còn có những hạn chế, chưa tương xứng với quan hệ chính trị tốt đẹp, với tiềm năng của cũng như mong muốn của Chính phủ và nhân dân hai nước... Nguyên nhân chính của tình hình trên là do Việt Nam và Ấn Độ đều là những nước nghèo, nhu cầu mặt hàng xuất và nhập khẩu tương tự như nhau (quần áo may mặc sẵn, gạo, chè, cà phê, hạt tiêu, hải sản...); các doanh nghiệp hai nước còn thiếu hiểu biết về khả năng và thị trường của nhau; thủ tục hành chính hai nước còn nặng nề và còn có sự khác biệt trong cơ chế hợp tác...

Lãnh đạo hai nước đã nhìn thấy hạn chế này và đã, đang tìm cách tháo gỡ để đưa quan hệ kinh tế phát triển ngang tầm với quan hệ chính trị tốt đẹp, phù hợp với xu thế của thế giới ngày nay. Quan điểm này được thể hiện trong Tuyên bố chung hai nước ngày 1-5-2003, nhân chuyến thăm Ấn Độ của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh. Tuyên bố có đoạn: Hai bên cam kết đa dạng hoá cơ cấu mặt hàng xuất, nhập khẩu, thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại; thực hiện các biện pháp ưu đãi thuế quan cho nhau phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế của mình nhằm thúc đẩy cân bằng

thương mại giữa hai nước mà hiện nay Việt Nam đang nhập siêu khá lớn- Đó là về thương mại. Về đầu tư và quản lý: Hai bên cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư và tư vấn của hai nước, kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mở rộng đầu tư và quản lý kinh doanh sang nhiều lĩnh vực của nền kinh tế... Ấn Độ cam kết tiếp tục ở mức cao nhất có thể được tín dụng ưu đãi và viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam để nhập các thiết bị của mình...⁽⁶⁾

Quan hệ văn hoá - khoa học- kỹ thuật giữa hai nước cũng diễn ra một cách đa dạng, phong phú và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là trong những năm gần đây.

Hợp tác về khoa học công nghệ được coi là lĩnh vực đạt hiệu quả nhất trong những năm gần đây. Ngoài đào tạo cán bộ theo chương trình hợp tác kỹ thuật trước đây, từ năm 1996, hai bên thành lập Tiểu ban hợp tác khoa học kỹ thuật do cấp Thứ trưởng phụ trách. Hai nước nhất trí mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực khác như máy siêu tốc và viễn thám ứng dụng. Ngành công nghệ thông tin- một thế mạnh của Ấn Độ và cũng là ngành mà Việt Nam quan tâm đầu tư phát triển, đang được triển khai hợp tác giữa hai nước và đã đạt được kết quả bước đầu. Đó là, tại cuộc họp của Ủy ban liên Chính phủ lần thứ 9 (New Delhi tháng 2-1999), hai nước đã ký "Biên bản thỏa thuận" về việc Ấn Độ giúp Việt Nam xây dựng 2 Trung tâm đào tạo và phát triển phần mềm tin học tại Việt Nam bằng vốn vay ưu đãi của Chính phủ Ấn Độ. Cũng tại cuộc họp này, hai bên đã nhất trí: trao đổi thông tin, lập trang Website chung; xúc tiến

quan hệ thương mại giữa Hội đồng xúc tiến xuất khẩu phần mềm máy tính và điện tử với Hội đồng công nghệ thông tin qua chương trình ITEC; Ấn Độ giúp Việt Nam lập Trung tâm công nghệ và thiết kế; hợp tác thiết kế trên máy tính. Trong chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch nước Trần Đức Lương đầu tháng 12-1999, Chính phủ Ấn Độ khẳng định sẵn sàng giúp Việt Nam về vốn, kinh nghiệm và đào tạo cán bộ, chuyên gia để phát triển phần mềm máy tính thành một ngành kinh tế quan trọng của mình⁽⁷⁾.

Trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, đào tạo, những năm gần đây, hàng năm Ấn Độ dành cho Việt Nam khoảng 120 học bổng. Ngoài ra, hiện nay còn có khoảng 200 lưu học sinh theo học tự túc tại Ấn Độ. Nhìn chung, chất lượng đào tạo cán bộ ở Ấn Độ là tốt. Cho đến nay, đã có hơn 3000 sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh tốt nghiệp ở nước bạn và đang phát huy tốt vai trò trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội của đất nước. Để đào tạo những chuyên gia về Ấn Độ, tổ bộ môn Ấn Độ học cũng được thành lập tại Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội với hàng chục sinh viên vào học ngành này. Hoạt động giao lưu văn hoá giữa hai nước cũng diễn ra ngày càng đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Đó là giới thiệu phim ảnh của nhau, trao đổi các đoàn nghệ thuật, giới thiệu những công trình văn hoá tiêu biểu, tổ chức kỷ niệm những ngày Quốc khánh của mỗi nước, trao đổi chuyên gia.

Hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và Ấn Độ là lĩnh vực được tiến hành từ lâu và đạt được nhiều kết quả. Năm

1977, bạn viện trợ không hoàn lại cho nước ta trong việc xây dựng Viện nghiên cứu lúa Ô Môn (Cần Thơ) và Trung tâm nghiên cứu trâu sữa Sông Bé trị giá khoảng 3 triệu USD. Nhiều chuyên gia về nông nghiệp của nước ta được đào tạo ở nước bạn trở về đang phát huy tốt khả năng của mình. Từ năm 1997, hai nước đã ký kết chương trình hợp tác 2 năm. Theo đó, Ấn Độ tiếp tục cung cấp cho Việt Nam một số giống cây, con và cử chuyên gia sang nước ta truyền thụ kinh nghiệm về chăn nuôi và trồng trọt. Các trung tâm nghiên cứu lúa ở đồng bằng sông Cửu Long và nghiên cứu dê ở Ba Vì đạt kết quả khả quan và đang được nhân rộng sang các địa phương khác.

Ngoài ra, trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng, hai bên cũng thường xuyên trao đổi các đoàn tham khảo tình hình, học tập kinh nghiệm lẫn nhau. Từ năm 1994, hai nước đã ký nghị định thư về hợp tác. Hai bên đang nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu của nhau một cách tốt nhất⁽⁸⁾.

Như vậy, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ là mối quan hệ truyền thống, có lịch sử lâu đời và ngày càng phát triển một cách tốt đẹp, toàn diện.

CHÚ THÍCH

- (1) Xem :* Cao Xuân Phổ, Trần Thị Lý (chủ biên) Ngô Văn Doanh: *Ấn Độ xưa và nay*; Nxb. Khoa học xã hội; H.1997; Tr.303-311.
- * Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*; Nxb. Giáo dục; H. 2000; Tr. 48-54, 94-107.
- (2) Xem Vũ Dương Ninh: *Việt Nam - Ấn Độ trong cuộc đấu tranh vì độc lập và tiến bộ xã hội*; Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử; số 5-6;1987.
- (3) Xem Nguyễn Cảnh Huệ: *Quan hệ chính trị Việt Nam - Ấn Độ (từ 1975-1996)*; Tạp chí Khoa học xã hội; Trung tâm KHXH & NVQG; số 38(4/1998); Tr.69-75.
- (4)(5) Dẫn theo: * Nguyễn Cảnh Huệ: *Vài nét về quan hệ Việt Nam - Ấn Độ*; Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử; số 3-2004; Tr.56.
- (6) Theo Báo *Nhân dân* số ra ngày 3-5-2003.
- (7),(8) Dẫn theo: Đặng Ngọc Hùng: *Việt Nam và Ấn Độ - Hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học công nghệ*; Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á; số 6 (51)-2001; tr.24-25.
- * *Thông tin tư liệu-TTXVN*, ngày 30-4-2003.